

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc ban hành bảng giá dịch vụ theo yêu cầu
tại Bệnh viện Đa khoa huyện Ba Vì**

GIÁM ĐỐC BỆNH VIỆN ĐA KHOA HUYỆN BA VÌ

Căn cứ Luật Khám bệnh, chữa bệnh số 15/2023/QH15 ngày 09 tháng 01 năm 2023;

Căn cứ Nghị định 60/2021/NĐ-CP ngày 21/6/2021 quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập;

Căn cứ Thông tư số 39/2018/TT-BYT ngày 30/11/2018 của Bộ Y tế Quy định giá dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh Bảo hiểm y tế giữa các bệnh viện cùng hạng trên toàn quốc và hướng dẫn áp dụng giá, thanh toán chi phí khám bệnh, chữa bệnh trong một số trường hợp;

Căn cứ Thông tư số 13/2019/TT-BYT ngày 05/07/2019 Sửa đổi bổ xung một số điều của Thông tư số 39/2018/TT-BYT ngày 30/11/2018 của Bộ Y tế Quy định giá dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh Bảo hiểm y tế giữa các bệnh viện cùng hạng trên toàn quốc và hướng dẫn áp dụng giá, thanh toán chi phí khám bệnh, chữa bệnh trong một số trường hợp;

Căn cứ Thông tư 13/2023/TT-BYT ngày 29/6/2023 quy định khung giá và phương pháp định giá KCB theo yêu cầu do cơ sở KB, CB của nhà nước cung cấp;

Căn cứ Quyết định số 25/2021/QĐ-UBND ngày 19/11/2021 của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội Ban hành Quy định về quản lý tổ chức bộ máy, biên chế, cán bộ, công chức, viên chức, người lao động trong tổ chức hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập, doanh nghiệp có vốn nhà nước thuộc thẩm quyền quản lý của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội;

Căn cứ Quyết định số 2506/QĐ-SYT ngày 08/11/2018 của Sở Y tế thành phố Hà Nội về việc Ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Bệnh viện đa khoa huyện Ba Vì;

Căn cứ công văn số 1381/BVBV-TCKT ngày 22/12/2023 về việc kê khai giá dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh theo yêu cầu của BBĐK huyện Ba Vì

Căn cứ Biên bản họp Ban chỉ đạo ngày 20 tháng 12 năm 2023 về việc thống nhất danh mục dịch vụ kỹ thuật và giá thu các dịch vụ khám chữa bệnh theo yêu cầu.

Căn cứ Biên bản họp Ban chỉ đạo và tổ giúp việc xây dựng giá ngày 20 tháng 12 năm 2023 về việc tổng hợp Biên bản làm việc với các Khoa lâm sàng.

Xét đề nghị của Ông/Bà Phụ trách phòng Tài chính kế toán, Trưởng phòng Kế hoạch tổng hợp - Bệnh viện Đa khoa huyện Ba Vì.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1: Ban hành Bảng giá dịch vụ theo yêu cầu tại Bệnh viện Đa khoa huyện Ba Vì (*Bảng giá chi tiết kèm theo*)

Điều 2: Thời gian thực hiện từ ngày 01/01/2024

Điều 3: Các Ông, Bà Trưởng phòng Kế hoạch tổng hợp, Trưởng phòng Tổ chức hành chính, Phụ trách phòng Tài chính kế toán, Ban chỉ đạo và tổ giúp việc xây dựng giá dịch vụ theo yêu cầu và các Khoa/Phòng liên quan có trách nhiệm thi hành Quyết định./.

Nơi nhận:

- Ban Giám đốc;
- Lưu: VT, KHTH, TCKT.

GIÁM ĐỐC



Phạm Bá Hiền

BẢNG GIÁ DỊCH VỤ THEO YÊU CẦU

(Ban hành Kèm theo Quyết định số 883 /QĐ-BVĐKBV ngày 26 tháng 12 năm 2023
của Bệnh viện Đa khoa huyện Ba Vì)

STT	Tên dịch vụ	Đơn giá BHYT	Giá TYC	Ghi chú
I	GIƯỜNG YÊU CẦU			
	Áp dụng chung các khoa Truyền nhiễm và khoa Nhi			
1	Giường nội khoa loại 1 Hạng II (Phòng 1 Giường)	212.600	812.600	
2	Giường nội khoa loại 1 Hạng II (Phòng 2 Giường)	212.600	612.600	
3	Giường nội khoa loại 1 Hạng II (Phòng 3 Giường)	212.600	462.600	
4	Giường nội khoa loại 1 Hạng II (Phòng 4 Giường)	212.600	412.600	
	Áp dụng chung các khoa Nội Tổng Hợp, Khoa HSCC			
5	Giường nội khoa loại 2 Hạng II (Phòng 1 Giường)	182.700	782.700	
6	Giường nội khoa loại 2 Hạng II (Phòng 2 Giường)	182.700	582.700	
7	Giường nội khoa loại 2 Hạng II (Phòng 3 Giường)	182.700	432.700	
8	Giường nội khoa loại 2 Hạng II (Phòng 4 Giường)	182.700	382.700	
	Áp dụng đối với Khoa HSCC			
9	Giường Hồi sức cấp cứu Hạng II - Khoa Hồi sức cấp cứu (Phòng 1 Giường)	359.200	959.200	
10	Giường Hồi sức cấp cứu Hạng II - Khoa Hồi sức cấp cứu (Phòng 2 Giường)	359.200	759.200	
11	Giường Hồi sức cấp cứu Hạng II - Khoa Hồi sức cấp cứu (Phòng 3 Giường)	359.200	609.200	
12	Giường Hồi sức cấp cứu Hạng II - Khoa Hồi sức cấp cứu (Phòng 4 Giường)	359.200	559.200	
13	Giường Hồi sức tích cực Hạng II - Khoa Hồi sức tích cực (Phòng 1 Giường)	673.900	1.273.900	
14	Giường Hồi sức tích cực Hạng II - Khoa Hồi sức tích cực (Phòng 2 Giường)	673.900	1.073.900	
15	Giường Hồi sức tích cực Hạng II - Khoa Hồi sức tích cực (Phòng 3 Giường)	673.900	923.900	
16	Giường Hồi sức tích cực Hạng II - Khoa Hồi sức tích cực (Phòng 4 Giường)	673.900	873.900	
	Áp dụng đối với Khoa Ngoại			
17	Giường nội khoa loại 2 Hạng II (Phòng 1 Giường)	182.700	882.700	
18	Giường nội khoa loại 2 Hạng II (Phòng 2 Giường)	182.700	482.700	
19	Giường Nội khoa loại 2 Hạng II (Phòng 3 Giường)	182.700	432.700	
20	Giường nội khoa loại 2 Hạng II (Phòng 4 Giường)	182.700	382.700	
21	Giường Ngoại khoa loại 1 Hạng II (Phòng 1 Giường)	287.500	987.500	
22	Giường Ngoại khoa loại 1 Hạng II (Phòng 2 Giường)	287.500	587.500	
23	Giường Ngoại khoa loại 1 Hạng II (Phòng 3 Giường)	287.500	537.500	

STT	Tên dịch vụ	Đơn giá BHYT	Giá TYC	Ghi chú
59	Giường Nội khoa loại 2 Hạng II (Phòng 3 Giường)	182.700	432.700	
60	Giường nội khoa loại 2 Hạng II (Phòng 4 Giường)	182.700	382.700	
61	Giường Ngoại khoa loại 1 Hạng II (Phòng 1 Giường)	287.500	787.500	
62	Giường Ngoại khoa loại 1 Hạng II (Phòng 2 Giường)	287.500	587.500	
63	Giường Ngoại khoa loại 1 Hạng II (Phòng 3 Giường)	287.500	537.500	
64	Giường Ngoại khoa loại 1 Hạng II (Phòng 4 Giường)	287.500	487.500	
65	Giường Ngoại khoa loại 2 Hạng II (Phòng 1 Giường)	252.100	752.100	
66	Giường Ngoại khoa loại 2 Hạng II (Phòng 2 Giường)	252.100	552.100	
67	Giường Ngoại khoa loại 2 Hạng II (Phòng 3 Giường)	252.100	502.100	
68	Giường Ngoại khoa loại 2 Hạng II (Phòng 4 Giường)	252.100	452.100	
69	Giường Ngoại khoa loại 3 Hạng II (Phòng 1 Giường)	224.700	724.700	
70	Giường Ngoại khoa loại 3 Hạng II (Phòng 2 Giường)	224.700	524.700	
71	Giường Ngoại khoa loại 3 Hạng II (Phòng 3 Giường)	224.700	474.700	
72	Giường Ngoại khoa loại 3 Hạng II (Phòng 4 Giường)	224.700	424.700	
73	Giường Ngoại khoa loại 4 Hạng II (Phòng 1 Giường)	192.100	692.100	
74	Giường Ngoại khoa loại 4 Hạng II (Phòng 2 Giường)	192.100	492.100	
75	Giường Ngoại khoa loại 4 Hạng II (Phòng 3 Giường)	192.100	442.100	
76	Giường Ngoại khoa loại 4 Hạng II (Phòng 4 Giường)	192.100	392.100	
Áp dụng đối với Khoa YHCT				
77	Giường Nội khoa loại 2 Hạng II - Khoa Y học cổ truyền (Phòng 1 Giường)	182.700	682.700	
78	Giường Nội khoa loại 2 Hạng II - Khoa Y học cổ truyền (Phòng 2 Giường)	182.700	432.700	
79	Giường Nội khoa loại 2 Hạng II - Khoa Y học cổ truyền (Phòng 3 Giường)	182.700	382.700	
80	Giường Nội khoa loại 2 Hạng II - Khoa Y học cổ truyền (Phòng 4 Giường)	182.700	332.700	
81	Giường Nội khoa loại 3 Hạng II - Khoa Y học cổ truyền (Phòng 1 Giường)	147.600	647.600	
82	Giường Nội khoa loại 3 Hạng II - Khoa Y học cổ truyền (Phòng 2 Giường)	147.600	397.600	
83	Giường Nội khoa loại 3 Hạng II - Khoa Y học cổ truyền (Phòng 3 Giường)	147.600	347.600	
84	Giường Nội khoa loại 3 Hạng II - Khoa Y học cổ truyền (Phòng 4 Giường)	147.600	297.600	
II	KHÁM THEO YÊU CẦU			
1	Khám TYC1 - Bác sỹ có trình độ sau đại học tại Bệnh viện	37.500	150.000	Áp dụng chung đối với tất cả các chuyên khoa
2	Khám TYC2 - Bác sỹ CKII trở lên tại Bệnh viện, Mời Chuyên gia	37.500	300.000	

STT	Tên dịch vụ	Đơn giá BHYT	Giá TYC	Ghi chú
III	P. THUẬT THỦ THUẬT			
1	Gây mê khác (Nội soi thực quản-dạ dày-tá tràng hoặc Nội soi Đại tràng Sigma)	761.000	1.000.000	Áp dụng đối với người bệnh Nội soi thực quản-dạ dày-tá tràng
2	Gây mê khác (Nội soi đại tràng sigma và Nội soi thực quản -dạ dày-tá tràng)	761.000	1.200.000	Áp dụng đối với người bệnh Nội soi đại tràng sigma
IV	DỊCH VỤ CHĂM SÓC NGƯỜI BỆNH			
1	Dịch vụ hỗ trợ người bệnh thực hiện cận lâm sàng	-	50.000	
2	Dịch vụ chăm sóc giảm đau sau phẫu thuật (48h)	-	1.000.000	Chưa bao gồm Bộ gây tê ngoài màng cứng hoặc Bình áp lực

HÀ
NỘI